

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO VIỆT PHÁP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO VIỆT PHÁP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET PHAP HIGH-TECH AGRICULTURAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108081614

3. Ngày thành lập: 04/12/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 117, ngõ 17, phố Vĩnh Hồ, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0913527519

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da và bằng các chất liệu khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
2.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
3.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
4.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
5.	Trồng cây hàng năm khác	0119
6.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
7.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
8.	Bán buôn gạo	4631

9.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
10.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
11.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
12.	Chăn nuôi gia cầm	0146
13.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
14.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
15.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
16.	Hoạt động thú y	7500
17.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
18.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
19.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
20.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
21.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
22.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
23.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
24.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
25.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
26.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
27.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lã	4634
28.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

29.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, + Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển	4390
30.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
31.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
32.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
33.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
34.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
35.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
36.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
37.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
	Chi tiết: Đại lý,	
38.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
39.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
40.	Trồng cây ăn quả	0121
41.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
42.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
	Chi tiết: Tư vấn về nông học Tư vấn về môi trường	
43.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

44.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
45.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
46.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
47.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
48.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết; Xuất nhập khẩu hàng hóa công ty kinh doanh	8299
49.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
50.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
51.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
52.	Phá dỡ	4311
53.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
54.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
55.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
56.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
57.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
58.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
59.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
60.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
61.	Bán buôn thực phẩm	4632
62.	Sao chép bản ghi các loại	1820
63.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
64.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
65.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
66.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
67.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
68.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
69.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
70.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
71.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
72.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
73.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	6329
74.	Chăn nuôi lợn	0145
75.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

76.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
77.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118(Chính)
78.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
79.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
80.	In ấn	1811
81.	Xây dựng nhà các loại	4100
82.	Trồng lúa	0111
83.	Quảng cáo	7310
84.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
85.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
86.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
87.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
88.	Lập trình máy vi tính	6201
89.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ VĂN HÀO	Số 917, đường Quang Trung, Phường Phú Lâm, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000	112005458	
			Tổng số	10.000	100.000.000	10,000		
2	LÊ THỊ THU THỦY	Số 117, ngõ 17, phố Vĩnh Hồ, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	80,000	011818634	
			Tổng số	80.000	800.000.000	80,000		
3	NGUYỄN HỮU QUÊ	Số 241, phố Chùa Bộc, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tổng số	10.000	100.000.000	10,000	010414060	
			Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ THU THỦY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/08/1963

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011818634

Ngày cấp: 22/02/2014 Nơi cấp: Do công an Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 117, ngõ 17, phố Vĩnh Hồ, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 117, ngõ 17, phố Vĩnh Hồ, Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội